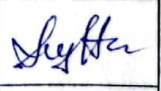


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Phương Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Hoàng Thị Hà	Phó hiệu trưởng 2	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Tòng Thị Hương	Tổ phó tổ MGB – Nhà trẻ	Thư ký Hội đồng	
4	Hà Thị Thúy	Phó hiệu trưởng 1, chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
5	Đinh Thị Hồng Phượng	Tổ trưởng tổ MGB – Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
6	Cà Thị Hương	Tổ trưởng tổ MGL – Nhỡ	Ủy viên hội đồng	
7	Đinh Thị Đức	Tổ phó tổ MGL – Nhỡ	Ủy viên hội đồng	
8	Lường Thị Thu	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Bế Thị Trong	Bí thư ĐTNCSHCM	Ủy viên hội đồng	

ĐIỆN BIÊN – 2022

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Phương Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Hoàng Thị Hà	Phó hiệu trưởng 2	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Tòng Thị Hương	Tổ phó tổ MGB – Nhà trẻ	Thư ký Hội đồng	
4	Hà Thị Thúy	Phó hiệu trưởng 1, chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
5	Đinh Thị Hồng Phượng	Tổ trưởng tổ MGB – Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
6	Cà Thị Hương	Tổ trưởng tổ MGL – Nhỡ	Ủy viên hội đồng	
7	Đinh Thị Đức	Tổ phó tổ MGL – Nhỡ	Ủy viên hội đồng	
8	Lường Thị Thu	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Bế Thị Trong	Bí thư ĐTNCSHCM	Ủy viên hội đồng	

ĐIỆN BIÊN – 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ cái viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	36

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	38
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	444
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	45
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	47
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	50
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	52
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	54
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	59
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	60
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	65

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	68
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	70
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	73
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	75
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV: PHỤ LỤC	78

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1.	CBQL	Cán bộ quản lý
2.	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CSVC	Cơ sở vật chất
5.	GDMN	Giáo dục mầm non
6.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7.	CSGD	Chăm sóc, giáo dục
8.	UBND	Ủy ban nhân dân
9.	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
10.	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
11.	HĐND	Hội đồng nhân dân
12.	KT-XH	Kinh tế xã hội

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x

Tiêu chí 3.6 ^d a		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1 ²		x	x	x
Tiêu chí 4.2 ⁵		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt 25/25 tiêu chí.

Mức 2 đạt 25/25 tiêu chí.

Mức 3 đạt 19/19 tiêu chí.

2. Kết luận: Trường đạt mức độ 3

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường mầm non số 2 xã Thanh Yên

Tên trước đây: Trường mầm non xã Thanh Yên

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Huyện Điện Biên
Xã/phường/thị trấn	Thanh yên
Đạt chuẩn quốc gia	Đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/5/2007
Công lập	x
Tư thục	
Dân lập	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Phương Lan
Điện Thoại	0982645168
Fax	
Website	https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnso2thanhyen
Số điểm trường	0
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	3	4	3	3	3
Lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	3	3	2
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	3	2	2	2	3
Lớp mẫu giáo ghép 3+4 tuổi	0	0	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 4+5 tuổi	0	0	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi	0	0	0	0	0
Cộng	10	10	10	10	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	3	3	3	3	3	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	8	8	8	8	8	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	Phòng hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng, hành chính - quản trị, nhân viên, bảo vệ, y tế
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	Văn phòng
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1	
V	Các công trình,	3	3	3	3	3	Phòng ngủ

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
	khối phòng chức năng khác						
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
	Cộng	25	25	25	25	25	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	19	19	10	0	1	18	
Nhân viên	4	3	1	1	1	2	
Cộng	26	25	11	1	2	23	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
1	Tổng số giáo viên	20	20	19	19	19
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo	12,5	10,5	14,2	15,6	11,3

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
	viên (đối với nhóm trẻ)					
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	14	15	13,3	15,4	16,5
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	6	6	6	6	4
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	2	4	1	1
7	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	271	265	288	287	283	
	- Nữ	125	118	126	146	146	
	- Dân tộc thiểu số	192	198	212	231	220	
2	Đối tượng chính sách	98	94	116	95	71	

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
3	Khuyết tật	1	1	1	0	0	
4	Tuyển mới	75	84	71	78	69	
5	Học 2 buổi/ngày	271	265	288	287	283	
6	Bán trú	271	265	288	287	283	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	28,14	30,2	31	30,9	30,6	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	20	21	23,7	23,7	23	
9	Trẻ em từ 03- 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	Trẻ em từ 12- 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	Trẻ em từ 24- 36 tháng tuổi	75	84	71	71	69	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	58	73	87	60	66	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	51	55	72	84	62	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	87	53	58	72	86	

5. Các số liệu khác

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em MN tới trường	100%	100%	100%	100%	100%
2	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình	100%	100%	100%	100%	100%

	GDMN					
3	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập	0	0	1	0	0

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non số 2 xã Thanh Yên được thành lập theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện Điện Biên và đi vào hoạt động từ ngày 31 tháng 05 năm 2007 đặt tại xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, trường có hệ thống cơ sở vật chất khang trang đáp ứng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Thanh Yên, Phòng giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi lát gạch đỏ trông trơn, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Năm học 2021-2022 nhà trường có tổng số 26 cán bộ, giáo viên, nhân viên (trong đó cán bộ quản lý 03 đồng chí, có 02 tổ chuyên môn với 19 giáo viên và 01 tổ văn phòng với 04 nhân viên có 1 bảo vệ, 1 y sỹ, 1 văn thư - thủ quỹ, 01 kế toán). Nhà trường có 14/19 giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó giáo viên dạy giỏi cấp trường 14 đồng chí; giáo viên dạy giỏi cấp huyện 04 đồng chí; giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 01 đồng chí).

Nhà trường có 10 nhóm, lớp với 283 học sinh, trong đó có 03 nhóm trẻ 24-36 tháng với 69 học sinh; 02 lớp mẫu giáo bé với 66 học sinh; 02 lớp mẫu giáo nhỡ với 62 học sinh; 03 lớp mẫu giáo lớn với 86 học sinh. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, học 2 buổi/ngày và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành phù hợp với địa phương. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt kế hoạch đề ra, đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường qua các năm học, trường mầm non số 2 xã Thanh Yên đã có những bước phát triển về mọi mặt: Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên tặng giấy khen; Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên tặng Giấy khen đã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020; UBND tỉnh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019 góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng khen có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc và nhiều thành tích khác. Với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng của nhà trường, ngày 10/4/2017 nhà trường đã được UBND tỉnh Điện Biên ra quyết định số 296/QĐ-UBND công nhận trường mầm non số 2 xã Thanh Yên đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 2. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đáp ứng các tiêu chí về trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục mức 3.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01- 02 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo. Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGDDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt mức 3.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên hàng năm đều có kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về công tác tổ chức, quản lý các hoạt động trong nhà trường theo giai đoạn, theo từng năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường có các hội đồng, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định, có Hội đồng trường, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và thực hiện có hiệu quả. Nhà trường thực hiện quản lý hành chính và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng chuyên đề cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục.

Nhà trường có số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, 100% trẻ được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày. Giáo viên đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện

cho phù hợp.

Hằng năm nhà trường phân công sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý theo đúng năng lực, sở trường của từng người và được đảm bảo các quyền theo quy định, quản lý tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị. Nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy, nổ; không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 [H1-1.1-01], phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hằng năm, nhà trường cụ thể kế hoạch

giai đoạn thành kế hoạch phát triển của nhà trường trong năm học và đề ra phương hướng cho những năm tiếp theo [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 [H1-1.1-01] và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2021-2022, được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-02].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn và theo từng năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong Hội nghị viên chức đầu năm học và được niêm yết trên bảng tin công khai [1.1-03], được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website: <https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnso2xathanhyen> để CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như Hội đồng trường thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường, nhà trẻ trong từng giai đoạn và từng năm học, về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường CBQL, GV, NV thông qua Hội nghị viên chức đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn và được cụ thể thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, định hướng phát triển KT-XH của địa phương và nguồn lực của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm được phòng GD&ĐT phê duyệt và công khai niêm yết trên bảng tin. Hàng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng của thôn/bản để đạt hiệu quả cao hơn	CBQL; Trưởng các thôn/bản	Bảng thông báo; Trang thông tin điện tử của trường.	Trong năm học 2021 - 2022 và các năm tiếp theo.	Không
Nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ, thường xuyên thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học.	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch phát triển nhà trường	Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng nhà trường được thành lập theo quyết định số: 2860/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND huyện Điện Biên gồm 9 thành viên [H1-1.1-05]. Các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; Hội đồng đánh giá phạm vi ảnh hưởng hiệu quả áp dụng sáng kiến cấp trường [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-03]; Hội đồng tư vấn [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng trường thực hiện quyết nghị về mục tiêu, kế hoạch

phát triển nhà trường theo từng năm học; quyết nghị quy chế tổ chức và các hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về chủ chương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.1-05]. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua [H1-1.2-01]. Hội đồng đánh giá phạm vi ảnh hưởng hiệu quả áp dụng sáng kiến cấp trường giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của cán bộ, giáo viên [H1-1.2-02]. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên [H1-1.2-03]. Hội đồng tư vấn giúp hiệu trưởng tư vấn nâng cao chất lượng trong nhà trường [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung các hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng hoạt động có hiệu quả thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường và các hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả việc đánh giá, đề xuất ý kiến góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường.	Hội đồng trường và các hội đồng khác	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 26 công đoàn viên trong đó Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch (Hà Thị Thúy) và 02 ủy viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 15 đoàn viên trong đó có 01 Bí thư đoàn (Bế Thị Trong), 01 phó bí thư và 01 ủy viên [H1-1.3-02].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo Điều lệ hoạt động Công đoàn Việt Nam, Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Trong những năm qua các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ (Nguyễn Thị Phương Lan), 01 phó bí thư, 01 ủy viên và 12 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-04]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Thanh Yên đánh giá 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường

thực hiện đảm bảo chi tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-06].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường được đánh giá 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2017, 2020), 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Đảng ủy xã Thanh Yên tặng giấy khen [H1-1.3-05].

Các đoàn thể, tổ chức khác của nhà trường hằng năm đều có những đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng mang lại kết quả cao trong quá trình hoạt động như: Các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hằng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 05 năm liên tiếp có 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Đảng ủy xã Thanh Yên tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	Chi bộ trường, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Các quyết định thành lập.	Trong năm học 2021-2022, trong nhiệm kỳ.	Không
Tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể và tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể trường MN số 2 xã Thanh Yên.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học, nhiệm kỳ	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.				

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng (Nguyễn Thị Phương Lan), 02 phó hiệu trưởng (Hà Thị Thúy, Hoàng Thị Hà) đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn cụ thể là: 01 tổ Mẫu bé - nhà trẻ với 01 tổ trưởng (Đinh Thị Hồng Phượng) và 9 thành viên, 01 tổ mẫu giáo lớn - nhỡ với 01 tổ trưởng (Cà Thị Hương) và 10 thành viên; 01 tổ văn phòng gồm có 01 tổ trưởng

(Lò Thị Mai) và 04 thành viên. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có tổ trưởng và tổ phó theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-03].

Hàng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá viên chức; tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, tổ văn phòng sinh hoạt 1 lần/tháng đảm bảo theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chất lượng chuyên môn và yêu cầu về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để xây dựng kế hoạch chung cho cả năm học, tháng, tuần. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của nhà trường, các tổ xây dựng và thực hiện chuyên đề giải quyết những vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2021-2022 như: Chuyên đề tôi yêu Việt Nam, giáo dục sức khỏe, hoạt động trải nghiệm: Cắm hoa ngày tết, đeo khẩu trang đúng cách, sự kỳ diệu của viên sỏi... [H1-1.4-04].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội. Thực hiện sinh hoạt chuyên đề tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-04].

Hàng năm các tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về

danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tổ chuyên môn định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng, tổ văn phòng sinh hoạt 1 lần/tháng đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động...	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, GV.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không
Các tổ chuyên môn chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất nội dung sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, văn phòng.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không
Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, ban kiểm tra nội bộ	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022, nhà trường có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non trong đó: Có 3 nhóm trẻ 24 - 36 tháng, 2 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 2 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 3 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Trong các năm học 2017-2018, 2018-2019 và năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật dạng vận động, tâm thần kinh trí tuệ được học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi. Năm học 2021-2022 nhà trường có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 283 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 69 học sinh, 02 lớp mẫu giáo bé với 66 học sinh, 02 lớp mẫu giáo nhỡ với 62 học sinh, 03 lớp mẫu giáo lớn với 86 học sinh đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non không có nhóm trẻ, lớp mẫu giáo nào vượt quá quy định [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: Năm học 2017-2018 có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (trong đó có 3 nhóm trẻ, 7 lớp mẫu giáo); năm học 2018-2019 có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (trong đó có 4 nhóm trẻ, 6 lớp mẫu giáo); năm học 2019-2020 có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (trong đó có 3 nhóm trẻ, 7 lớp mẫu giáo); Năm học 2020-2021 có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (trong đó có 3 nhóm trẻ, 7 lớp mẫu giáo); đến thời điểm hiện tại tại nhà trường có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (trong đó có 3 nhóm trẻ, 7 lớp mẫu giáo) [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học qua nhà trường có số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, số lượng trẻ trong một lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN. Trong các năm học vừa qua nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Số trẻ khuyết tật học tại các lớp không vượt quá 2 trẻ cùng dạng khuyết tật/lớp.

3. Điểm yếu: Nhà trường có 2 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi vượt quá theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp và bố trí sắp xếp phù hợp số lượng trẻ trên lớp.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em. Phân công nhiệm vụ hàng năm.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2021-2022 [H1-1.1-02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [1.6-03]; hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-04].

Hằng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản được công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành [H1-1.6-05].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục [1.6-03].

Mức 2:

Trong những năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia; quản lý tài chính và tài sản sử dụng phần mềm Misa của nhà trường; Phần mềm phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; quản lý văn bản. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet để thực hiện các hoạt động trong nhà trường [1.6-06].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2021 nhà trường được Phòng giáo dục kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.2-05].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật [H1-1.1-01]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng CSGD. Trong những năm vừa qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra

đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục	CBQL, kế toán, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Năm 2021-2022 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hàng năm xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, tổ chức khác, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác XHHGD nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ trong nhà trường.	Hiệu trưởng	Không	Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.	Hiệu trưởng	Kế hoạch trung hạn, dài hạn	Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên và nhân viên [H1-1.4-04].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. 100% CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền: Tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần; tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập, bồi dưỡng; khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [1.7-02]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như: Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người; tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV theo học các lớp nâng cao trình độ. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi	CBQL, tổ	Kế hoạch bồi	Năm học	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
đưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho đội ngũ CBQL, giáo viên theo hướng nghiên cứu bài học tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên nhà trường.	trưởng chuyên môn, giáo viên.	đưỡng chuyên môn tổ chuyên môn.	2021-2022 và các năm học tiếp theo	
Xây dựng kế hoạch chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên tập trung nâng cao năng lực đội nhân viên nhà trường.	CBQL, tổ trưởng văn phòng, nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tổ văn phòng.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	
Xây dựng đội ngũ cốt cán giúp đỡ các giáo viên còn hạn chế.	Hiệu trưởng	Không	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Điều lệ trường mầm non, Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL, GV, NV.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương để xây dựng [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.5-02].

Từ năm học 2019-2020 đến nay xây dựng chương trình nhà trường và thực hiện thẩm định đánh giá chương trình nhà trường theo năm học để kịp thời điều chỉnh, rà soát, đánh giá bổ sung và phát triển chương trình trong những năm kế tiếp [H1-1.8-01]; [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp. Xác định nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học, đề ra được các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường sát với chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học,	Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
		kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.		
Thực hiện phát triển chương trình phù hợp với điều kiện địa phương: Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, xây dựng chương trình phù hợp với địa phương.	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em.	Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, kịp thời tư vấn, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị viên chức đầu năm học như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường,

các quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-06].

Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.2-05].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách của CBQL, GV, NV và kết quả xã hội hóa giáo dục một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Ban thanh tra nhân dân có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ. Bảng công khai.	Năm 2021-2022 và trong các năm học tiếp theo	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban thanh tra nhân dân thực hiện đúng trách nhiệm trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Ban thanh tra nhân dân	Quy chế hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Quy chế dân chủ.	Năm 2021-2022 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hội đồng trường thực hiện đúng nhiệm vụ trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Hội đồng trường	Quy chế hoạt động của hội đồng trường, Quy chế dân chủ.	Năm 2021-2022 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường tổ chức bữa ăn cho trẻ và đã ký bản cam kết đảm bảo VSATTP với Chi cục VSATTP và Phòng GD&ĐT [H1-1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CBQL, GV, NV, phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có CBQL, GV, NV nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-05].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng chống tai nạn thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường [1.10-10].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể CBQL, GV, NV, học sinh. Có hộp thư góp ý và đường dây nóng để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.	CBQL	Mời công an xã, y tế xã	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	2.000.000 đồng
Xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học; phương án đảm bảo an toàn trường học; phương án phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ; phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm.	CBQL	Không	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, giáo viên chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ	Hiệu trưởng	Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không
Mua sắm bổ sung các thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC	Tờ trình xin cấp bổ xung các thiết bị phòng cháy, chữa cháy	22/10/2021	4.500.000

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Hàng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, nhà trường có không quá 02 trẻ em cùng một dạng khuyết tật học hòa nhập trong một lớp, số trẻ/lớp đảm bảo không vượt quá quy định. Hàng năm, nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hàng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hàng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng, năng lực đội ngũ CBQL, GV, NV từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý, chỉ đạo chuyên môn. 3/3 đồng chí CBQL có trình độ Trung cấp lý luận chính trị và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ CBQL, GV, NV, được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Đội ngũ giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của Ngành. Hàng năm CBQL, giáo viên được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá trở lên, không có CBQL, GV, NV vi phạm pháp luật. Nhân viên

có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm 2021-2022 nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 Ban hành Điều lệ trường mầm non, hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 17 năm, phó hiệu trưởng 1 (Hà Thị Thúy) có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 19 năm, phó hiệu trưởng 2 (Hoàng Thị Hà) công tác liên tục trong ngành GDMN là 16 năm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý GDMN, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Hàng năm, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng, trong đó hiệu trưởng có 2 năm được đánh giá đạt ở mức tốt, 2 phó hiệu trưởng có 2 năm đạt mức tốt [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Hàng năm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý GDMN theo quy định như: Bồi dưỡng chuyên môn hè, bồi dưỡng cốt cán cấp huyện, bồi dưỡng chuyên đề các cấp... [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó hiệu trưởng có 2 năm được đánh giá đạt ở mức tốt, 2 phó hiệu trưởng có 2 năm đạt mức tốt [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng luôn được tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường, được đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng có 3 năm được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại khá và 2 năm 2018-2019, 2020-2021 xếp loại tốt, 02 phó hiệu trưởng 3 năm được đánh giá xếp loại khá, 02 năm 2016-2017, 2018 -2019 xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đảm bảo các yêu cầu về trình độ đào tạo và năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường, luôn được đồng nghiệp tin nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó: hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá xếp loại tốt, 02 phó hiệu trưởng có 02 năm xếp loại tốt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục để được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Kế hoạch học tập, bồi dưỡng	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 202 -2022 nhà trường có 19 giáo viên (tỷ lệ giáo viên/nhóm trẻ là 1,7 giáo viên/nhóm; tỷ lệ giáo viên/lớp mẫu giáo là 2 giáo viên/lớp), đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, được sắp xếp phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn, đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGD&ĐT-BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.7-01].

19/19 giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn theo quy định đạt 100% [H2-2.2-01].

Nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên, trong đó năm học 2020-2021 có 10/20 giáo viên xếp loại tốt đạt 50% [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình từng năm [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-05].

Mức 3:

Nhà trường có 19/19 giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn đạt 100% [H2-2.2-01].

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó: năm học 2016-2017 xuất sắc đạt 72,7%; năm học 2017-2018 xuất sắc đạt 70%; năm học 2018-2019 tốt đạt 25%; năm học 2019-2020 tốt đạt 31,6%, 2020-2021 tốt đạt 50% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường có đủ giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn. Công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo các tiêu chuẩn về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và bồi dưỡng thường xuyên GVMN.	CBQL, giáo viên	Thông tư 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019; Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2016.	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Chỉ đạo đội ngũ giáo viên tăng cường tự học tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm.	Năm học 2021-2022 và năm học tiếp theo.	Không

Tiếp tục bồi dưỡng phần đầu tăng số lượng giáo viên cốt cán cấp huyện.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm.	Năm học 2021-2022 và năm học tiếp theo	Không
--	-----------------	---	--	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 5 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn (hiện tại trường đang bố trí 3 nhân viên là bảo vệ, y sỹ, thủ quỹ kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp). Các nhân viên trong nhà trường đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng cá nhân [H1-1.7-01].

Các nhân viên trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác tài chính, tổ chức nấu ăn, chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt CSVC, an ninh trật tự trong nhà trường [H2-2.3-04].

Mức 2:

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4

Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H2-2.3-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-05]; [H2-2.3-04].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên của nhà trường có đủ trình độ đào tạo, đáp ứng được vị trí việc làm như: nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học Tây Bắc, nhân viên Y tế có bằng trung cấp y tế Điện Biên, nhân viên thủ quỹ văn thư có bằng cao đẳng kế toán [H2-2.3-05], nhân viên bảo vệ hàng năm được tham gia tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy và nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.3-06]. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe hàng năm, được tham gia các lớp tập huấn về VSATTP [H2-2.3-03].

Hàng năm nhân viên y tế được tham gia tập huấn công tác y tế trường học, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức VSATTP, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán [H2-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. Nhân viên kế toán, y tế, thủ quỹ, bảo vệ có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo đúng chuyên môn được giao. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe, được tham gia các lớp tập huấn về công tác VSATTP, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường đang bố trí nhân viên bảo vệ, y sĩ, thủ quỹ kiêm nhiệm công tác nấu ăn bán trú cho trẻ, do mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho 3 nhân viên nấu ăn, nhân viên bảo vệ, y sĩ, thủ quỹ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề theo yêu cầu của nhà trường.	CBQL, nhân viên nấu ăn, nhân viên bảo vệ	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác bảo vệ trường học	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với UBND xã, phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các bậc phụ huynh ủng hộ kinh phí để hợp đồng thêm nhân viên nấu ăn.	CBQL, UBND xã, nhân dân địa phương	Kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường, địa phương. Đề xuất kiến nghị với Đảng ủy, UBND, HĐND xã	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Phân công nhiệm vụ năm học và cho các nhân viên trong tổ bán trú kiêm nhiệm thực hiện công tác nấu ăn cho trẻ	CBQL	Bảng phân công nhiệm vụ	Tháng 8 năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng nhà trường có thời gian công tác lâu năm trong ngành GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, trình độ trung cấp lý luận chính trị, được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững Chương trình GDMN, có khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý, chỉ đạo. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, nhân viên đảm bảo cơ cấu, trình độ đào tạo theo quy định, đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng về mọi mặt để thực hiện Chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Hằng năm giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các lớp nâng chuẩn.

Tuy nhiên nhà trường đang bố trí nhân viên bảo vệ, y sỹ, thủ quỹ kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng CSGD trẻ. Chính vì lẽ đó trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng CSVC tôn tạo cảnh quan môi trường giáo dục an toàn - thân thiện - lành mạnh theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có một trung tâm trường với 10 nhóm/lớp, có đủ diện tích đất sử dụng, khuôn viên xanh - sạch - đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, các khu vực trải nghiệm sáng tạo mang đậm nét địa phương, sân chơi có đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Phòng giáo dục nghệ thuật, khu giáo dục thể chất, các khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ. Nhà bếp, nhà kho được xây dựng bán kiên cố và vận hành đúng theo quy trình bếp một chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;
- b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;
- c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

- a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;
- b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây giảnh riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;
- c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có

bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất để xây dựng là 2881,3m², bình quân 10,2m²/trẻ đảm bảo theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây kiên cố, đảm bảo vững chắc an toàn cho trẻ và luôn được vệ sinh sạch sẽ phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập, trường có cổng và biển trường chắc chắn. Biển tên trường có đầy đủ tên trường, đủ các thông tin chung theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non [1.10-10]; [H3-3.1-02].

Trường có sân chơi với tổng diện tích là 844,2m², được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp được lát gạch bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, được sử dụng để tổ chức các hoạt động tập thể đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Có vườn cây xanh với diện tích là 101m², phù hợp với điều kiện của nhà trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát cho trẻ hoạt động khám phá trải nghiệm. Có hiên chơi với tổng diện tích 211,5m², thuận tiện cho việc đưa đón và sinh hoạt của trẻ. Hành lang với diện tích 206m², lan can phía trước cao 1m cho các nhóm, lớp thuận lợi dành cho trẻ hoạt động, đảm bảo theo quy định [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn là đảm bảo theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Trong đó diện tích xây dựng công trình là 1.358m², diện tích sân vườn là 1.250,4m² cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục (trong đó diện tích sân chơi 844,2m², diện tích vườn 406,2m²) đảm bảo theo quy định [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Khuôn viên trường đều có tường xây bao xung quanh dài 217m ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nhà trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập như: Khu trải nghiệm của bé, bé chơi với cát và nước, khu chợ quê, vườn rau, vườn cây, vườn cỏ tích [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Khu vui chơi của trẻ được trang bị 8 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN (sàn nhún nhảy, bập bênh, khu liên hoàn đa chức năng, mâm quay, nhà cầu trượt ống, xích đu, đồ

chơi ba chức năng, thú nhún) thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ và đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi [1.10-10]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có sân vườn, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ như: khu vui chơi, khu giáo dục phát triển vận động... [1.10-10]; [H1-1.2-05]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ diện tích đất xây dựng là 2.881m². Có sân chơi, hiên chơi thuận tiện cho việc đưa đón và sinh hoạt của trẻ. Có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Các dãy nhà đều có hành lang, lan can cao 1m cho các nhóm, lớp, các phòng ban thuận lợi dành cho trẻ và đảm bảo theo quy định. Có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, đồ chơi tự tạo, có các khu cho trẻ trải nghiệm như: khu vui chơi, khu giáo dục phát triển vận động, khu trải nghiệm cho trẻ, khu chợ quê, vườn cổ tích, vườn rau, vườn cây của bé... đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, UBND xã Thanh Yên đầu tư, nâng cấp các khu trải nghiệm, vườn cây, vườn rau của bé, sân chơi cho trẻ...	CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ.	Kinh phí, kế hoạch xây dựng và tu sửa CSVC. Huy động ngày công lao động cha mẹ trẻ.	Năm 2021-2022	200.000.000 đồng
Bổ sung đồ chơi vào khu vui chơi của trẻ. Bảo quản các thiết bị đồ chơi ngoài trời.	CBQL, giáo viên	Kinh phí, kế hoạch bổ sung và tu sửa, bảo quản đồ chơi ngoài trời.	Năm 2021-2022 và các năm học tiếp theo	50.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 10 phòng sinh hoạt chung/10 nhóm, lớp đảm bảo 1 phòng/nhóm, lớp: Năm học 2021-2022 nhóm trẻ 24-36 tháng có 3 nhóm/3 phòng; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 2 lớp/2 phòng; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi là: 2 lớp/2 phòng; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 3 lớp/ 3 phòng [1.6-06]; [H3-3.1-02].

Nhà trường có 10 phòng sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi và các hoạt động khác cho trẻ. Có 03 phòng ngủ cho trẻ đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Có 01 khu giáo dục thể chất diện tích $72m^2$ với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 01 phòng âm nhạc tích $57,3m^2$ được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ cho trẻ [1.10-10]; [H3-3.1-02].

10/10 nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động nuôi dưỡng CSGD, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp, đảm bảo đủ an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường [1.10-10]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

Có 10 phòng sinh hoạt chung trẻ có diện tích trung bình $37,4m^2$ /phòng (trong đó mẫu giáo diện tích trung bình $44m^2$ /phòng, nhóm trẻ diện tích trung bình $22m^2$ /phòng) trung bình $1,32m^2$ /trẻ. Phòng sinh hoạt chung thoáng mát, các phòng

có đủ hệ thống tủ đựng các đồ dùng, thuận tiện phục vụ cho trẻ khi sử dụng, được phân thành các khu chức năng. Có 03 phòng ngủ với diện tích là 48m^2 bình quân $0,17\text{ m}^2/\text{trẻ}$, đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ (thảm, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng đồ dùng...), thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất diện tích 72m^2 có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động (cổng chui nhựa, cổng chui sắt, ghế thể dục, bục thể dục, bộ khung bóng đá,...) để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất; 01 phòng âm nhạc với diện tích $57,3\text{ m}^2$ có các thiết bị gương, giống múa, đàn, trang phục, dụng cụ âm nhạc, giá vẽ tạo hình, các vật liệu đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn theo quy định để tổ chức cho trẻ các hoạt động nghệ thuật âm nhạc như múa, học đàn, biểu diễn văn nghệ, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Nhà trường có 10/10 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [1.10-10]; [H1-1.2-05]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học, có đủ các thiết bị công nghệ thông tin như: hệ thống máy tính, tai nghe, loa, mạng Internet, phần mềm kismat... phục vụ cho trẻ mẫu giáo hoạt động học tập và vui chơi, khám phá làm quen với công nghệ tin học; nhà trường đang sử dụng chung phòng tin học để cho trẻ mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ. Có 01 phòng âm nhạc riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc và sáng tạo nghệ thuật [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 10 phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích là $37,4\text{m}^2/\text{phòng}$ thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi cho trẻ sử dụng. Có 01 phòng âm nhạc có đủ đồ dùng, thiết bị để tổ chức cho trẻ được trải nghiệm các hoạt động nghệ thuật như múa, học đàn, xướng âm, biểu diễn các chương trình văn nghệ của các nhóm/lớp, sáng tạo nghệ thuật; 01 phòng tin học - ngoại ngữ riêng có đủ máy tính, kết nối mạng Internet và thiết bị cho trẻ khám phá với thế giới xung quanh qua màn ảnh nhỏ, học tập phát triển nhận thức và tư duy qua phần mềm Kismat làm quen CNTT, được vừa học vừa chơi; làm quen với những từ cơ bản ban đầu của tiếng Anh đáp ứng sự hứng thú của trẻ và nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục; Có 01 khu giáo dục thể chất đầy đủ đồ dùng, thiết bị cho trẻ hoạt động.

3. Điểm yếu: Diện tích phòng ngủ của các lớp còn hẹp. Phòng tin học và ngoại ngữ sử dụng chung phòng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học	CBQL	Kế hoạch kiểm tra	Năm học 2021-2022 Và các năm học tiếp theo	Không
Tu sửa CSVC, những thiết bị xuống cấp hoặc không đảm bảo an toàn vào những thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm.	CBQL	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hằng năm	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	200.000.000 đồng
Làm tốt công tác tham mưu với cấp trên bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	CBQL	Tờ trình xin trang cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch lộ trình công tác XHHGD, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ nâng cấp phòng ngủ cho trẻ đảm bảo diện tích theo quy định.	CBQL, GV, NV Phòng GDDT, các	Kế hoạch tham mưu, kế hoạch XHHG, thư ngỏ.	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	Không
Thư ngỏ tới các tổ chức doanh nghiệp xin kinh phí đầu tư, kết nối mạnh thường quân, các nhà hảo tâm hỗ trợ CSVC.	Hiệu trưởng	Tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm...	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	Không
Sử dụng các phòng đôi dư do sát nhập nhà trường vào năm 2023 để tách phòng tin học và ngoại ngữ riêng, bố trí	CBQL, GV NV	Công văn số 547-TB/HU ngày 14/12/2021 về	Năm học 2021-2022 và những	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
thêm phòng ngủ cho trẻ.		chủ trương sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện giai đoạn 2021-2026	năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo định bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 văn phòng trưởng; 01 phòng dành cho nhân viên; 01 phòng bảo vệ; khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV; khu để xe cho CBQL, GV, NV; 01 phòng hành chính quản trị; 01 phòng Y tế [H3-3.1-02].

Phòng Hiệu trưởng và 02 phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các thiết bị theo quy định hiện hành; văn phòng trưởng có đầy đủ bàn ghế họp, máy móc, thiết bị theo quy định; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có bảng theo dõi sức khỏe trẻ, kế hoạch công tác y tế tháng/năm, kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ; phòng hành chính quản trị có đầy đủ máy móc, thiết bị, tủ đựng hồ sơ sổ sách; phòng dành cho nhân viên có tủ đựng đồ dùng cá nhân; phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường có vị trí quan sát thuận lợi, có bàn ghế, đồng hồ, sổ theo dõi khách;

khu vệ sinh CBQL, GV, NV có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt phù hợp với môi trường; có nhà kho dùng để dụng cụ chung và học phẩm của nhà trường [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

Có khu để xe dành cho CBQL, GV, NV có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự, khoa học, đủ chỗ để xe cho CBQL, GV, NV [1.10-10]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích $45m^2$; phòng Hiệu trưởng có diện tích $22m^2$, phòng các phó hiệu trưởng diện tích $22m^2$, phòng hành chính - quản trị có diện tích $13m^2$, phòng bảo vệ có diện tích $12m^2$; phòng dành cho nhân viên có diện tích $13m^2$, phòng y tế có diện tích $13m^2$, khu vệ sinh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có diện tích là $8m^2$, các phòng đảm bảo diện tích theo quy định [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Khu để xe dành cho CBQL, GV, NV đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe có diện tích $65m^2$ trung bình $2,5m^2$ /xe, khu để xe có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính-quản trị đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Bố trí hợp lý khu để xe cho khách và phụ huynh học sinh [1.10-10]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng để thực hiện các hoạt động quản lý, chỉ đạo các hoạt động nhà trường; văn phòng; phòng hành chính quản trị thực hiện các công việc về tài chính, CSVC trường học; phòng Y tế có các trang thiết bị thiết yếu để chăm sóc sức khỏe trẻ, được đặt ở vị trí, thuận lợi, yên tĩnh khi có trẻ bị ốm, một trẻ được nghỉ ngơi; phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên có đủ đồ dùng theo quy định; có khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV; khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên có diện tích $65m^2$ trung bình $2,5m^2$ /xe, có khu để xe cho khách và phụ huynh học sinh đảm bảo diện tích theo quy định. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng	CBQL, Phòng GD&ĐT,	Kế hoạch tài chính ngắn hạn,	Năm học 2021-2022 và những	200.000.000 đồng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường.	các tổ chức xã hội, doanh nghiệp	trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí	năm tiếp theo.	
Rà soát các hạng mục công trình, đối chiếu tỷ lệ hao mòn tài sản hàng năm để có kế hoạch nâng cấp cải tạo theo từng năm để duy trì và nâng cao CSVC ở các mức.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC, kế toán	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo.	Không
Mua sắm bổ sung các thiết bị dạy và học	Phòng GD&ĐT, Hiệu trưởng, kế toán	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	200.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố vận hành theo quy trình một chiều [1.10-10].

Kho chứa thực phẩm diện tích 10m² thuận tiện cho việc xuất, nhập hàng, phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, có cửa sổ thoáng [1.10-10]; [H3-3.1-03].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra và vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [1.10-10]; [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có tổng diện tích 85m² (tăng thêm) bình quân trên trẻ là 0,3m²/trẻ đảm bảo theo quy định. Và vận hành theo quy trình 1 chiều có khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định. Có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống xử lý rác thải, nước thải của bếp ăn được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung, hợp vệ sinh được đảm bảo theo quy định [1.10-10]; [H3-3.1-04]; [H3-3.4-02].

Mức 3

Bếp ăn được xây dựng bán kiên cố đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non: thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, không có khe rãnh; Có bàn chia ăn, bàn sơ chế bằng inox, xong nồi nấu và chia ăn bằng nhôm, bát, thìa bằng inox để làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại; có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo theo quy định, chạn chia cơm của các bếp ăn có thiết kế lắp đặt lưới đảm bảo để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác [1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố và đảm bảo theo định hoạt động quy trình 1 chiều: có các khu theo quy định, có đủ các đồ dùng cho trẻ ăn bán trú tại trường, có tủ lạnh, kho để thực phẩm được phân chia theo từng khu vực riêng biệt. Có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải của bếp ăn hợp vệ sinh được đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp	Hiệu trưởng,	Kế hoạch phát triển	Năm học 2021-2022	50.000.000 đồng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường mầm non đạt hiệu quả cao như: hàng năm thay thế bổ sung xoong nồi và dụng cụ nấu bị hao mòn, hỏng.	Phó hiệu trưởng phụ trách công tác bán trú, Phòng GD&ĐT, cha mẹ trẻ	nhà trường, tờ trình, công trình bếp ăn tập thể.	và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 10/10 lớp đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [H3-3.1-04].

Nhà trường phát động phong trào các nhóm, lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [1.10-10]; [H1-1.2-05]; [H3-3.1-05].

Hàng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, sửa chữa định kỳ vào đầu năm và cuối năm học đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ có hiệu quả tại nhà trường và các nhóm, lớp [H3-3.1-04]; [H3-3.5-01].

Mức 2:

Các phòng có máy tính đều được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [3.5-02].

10/10 nhóm, lớp của nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, đủ đồ dùng, thiết bị dạy học có 10 bộ/ 10 lớp, trong đó: trẻ 5-6 tuổi 3 lớp/3 bộ, trẻ 4-5 tuổi 2 lớp/2 bộ, trẻ 3-4 tuổi 2 lớp/2 bộ, trẻ 24-36 tháng 3 lớp/3 bộ.... [H3-3.1-04].

Hàng năm nhà trường được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN và đồ dùng thiết bị ngoài danh mục. Đội ngũ giáo viên trong trường có phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-03]; [H3-3.1-05].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục và tự làm tại các nhóm, lớp được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm, lớp theo quy định. Hàng năm nhà trường luôn được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học, có phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Các phòng có máy tính được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hàng năm nhà trường đã tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, CSVC và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra tài sản, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học trong trường	Năm 2021-2022	15.000.000 đồng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
nâng cấp.	phụ trách CSVC, giáo viên			
Huy động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều đồ dùng đồ chơi sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ trẻ	Nguyên vật liệu làm đồ dùng, đồ chơi	Năm 2021-2022	Không
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2021-2022 và năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 5 phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được xây dựng bán kiên cố, được bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ không gây ô nhiễm môi trường. Các phòng vệ sinh được bố trí bệt xí nhỏ thấp, vòi rửa tay vừa tầm đối với trẻ thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng, nhà vệ sinh có vách ngăn thấp đảm bảo việc giáo viên bao quát được trẻ, có đủ ghế ngồi bô chắc chắn dành cho trẻ nhà trẻ sử dụng đảm bảo an toàn thuận lợi cho cả trẻ khuyết tật [1.10-10].

Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước có nắp đậy, có hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước sạch có máy lọc nước, nguồn nước sạch, nước giếng khoan sạch sẽ, đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho CBQL, GV, NV và trẻ đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành [1.10-10]; [H3-3.4-02].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng có nắp đậy, không ảnh hưởng đến môi trường [1.10-10].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp với cảnh quan, đảm bảo theo quy định. Tổng diện tích phòng vệ sinh cho trẻ mẫu giáo là 50m^2 , bình quân $0,23\text{m}^2/\text{trẻ}$. Phòng vệ sinh của trẻ được xây dựng đều có phòng vệ sinh riêng cho trẻ trai, trẻ gái thuận tiện cho giáo viên có thể bao quát trẻ, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với từng độ tuổi: (trẻ mẫu giáo: tổng 17 bệ xí, có 13 trẻ mẫu giáo/1 bệ xí), 30 vòi rửa tay cho trẻ vòi nước rửa tay đảm bảo 9 trẻ/vòi, có tiểu treo dành trẻ trai); trẻ nhà trẻ: 48 ghế ngồi bô, đủ ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ; thùng chứa nước có nắp đậy an toàn. Phòng vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV có diện tích 8m^2 , được bố trí phòng nam, nữ riêng biệt, phòng tắm có vòi tắm [1.10-10]; [H3-3.1-03].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch bao gồm nước sạch và nước giếng khoan đáp ứng nhu cầu sử dụng. Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. Khu vực sân trường, các lớp học, nhà bếp, phòng vệ sinh có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung [1.10-10]; [H3-3.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ mẫu giáo với diện tích là 50m^2 , bình quân $0,23\text{m}^2/\text{trẻ}$, có đủ ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ, khu vệ sinh của CBQL, GV, NV được xây dựng đảm bảo diện tích 8m^2 đảm bảo theo quy định, được phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, đạt các tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh, hệ thống đường nước... Tham mưu với UBND xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí.	CBQL, giáo viên, phòng GD&ĐT, UBND xã, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch, tờ trình, kinh phí.	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	100.000.000 đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, đồ dùng dụng cụ thu gom, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch, kinh phí.	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	20.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trường mầm non số 2 xã Thanh Yên có vị trí thuận lợi ở trung tâm dân cư, giao thông thuận tiện và hệ thống CSVC tương đối đầy đủ có các công trình được xây dựng kiên cố và bán kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Nhà trường có diện tích đất sử dụng đảm bảo. Có cổng, biển tên trường, có tường bao ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn, sạch sẽ. Các nhóm/lớp học, các khối phòng hành chính-quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Phòng vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng bán kiên cố đảm bảo đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Khu giáo dục thể chất có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động; phòng giáo dục nghệ thuật có các thiết bị, đồ dùng dụng cụ âm nhạc, tạo hình để tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật; phòng tin học-ngoại ngữ có đủ các thiết bị công nghệ thông tin, mạng Internet, phần mềm Kidsmart phục vụ cho hoạt động vui chơi, khám phá làm quen với công nghệ tin học – ngoại ngữ của trẻ. Nhà trường có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường. Tuy nhiên do quỹ đất hẹp nên diện tích phòng ngủ cho trẻ còn hẹp.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6 tiêu chí.

Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ thì công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ chủ động phối hợp với nhà trường trong công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, huy động các nguồn lực đóng góp kinh phí và hiện vật để xây dựng CSVC, môi trường lớp xanh - sạch - đẹp, lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường; Ban đại diện cha mẹ học sinh các nhóm/lớp. Năm học 2021-2022 nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 11 thành viên (1 trưởng ban, 4 phó ban, 6 ủy viên thường trực); các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp (Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên). Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-01].

Trong năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh đã triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các nhóm/lớp thực hiện có hiệu quả cao [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Huy động trẻ ra lớp, tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Tổ chức các ngày lễ trong năm như tổ chức trung thu cho trẻ, Bé vui tết Nguyên đán, các bậc cha mẹ tham gia giao lưu: “Tài năng tuổi thơ” cấp huyện, phụ huynh phối hợp lao động tạo cảnh quan môi trường. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Nội quy, quy chế của trường, lớp, chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, trẻ hộ nghèo, cận nghèo... [H4-4.1-01]; [1.10-10].

Mức 3:

Trong các năm học qua Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, nuôi dưỡng CSGD trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-05]; [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của các nhóm/lớp và của trường được thành lập dưới sự đồng thuận, nhất trí của 100% cha mẹ trẻ và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc nuôi dưỡng CSGD trẻ, tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, CSVC trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Họp toàn thể cha mẹ trẻ của lớp, của trường để kiện toàn	CBQL, giáo viên,	Biên bản họp phụ	Đầu các năm học tiếp	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban đại diện cha mẹ trẻ.	Cha mẹ trẻ các lớp	huynh đầu năm của trường, lớp	theo.	
Thảo luận và xây dựng quy chế, Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Đầu các năm học và các tháng tiếp theo	Không
Tuyên truyền phụ huynh tham gia vào các hoạt động của nhà trường, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Chọn những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng tuyên truyền với cộng đồng về công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ tại trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh điều chỉnh quy chế hoạt động hằng năm cho phù hợp.	CBQL, giáo viên, cha mẹ học sinh	Quy chế hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh.	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian hợp lý khi tổ chức các buổi họp để cha mẹ học sinh có mặt đầy đủ. Xây dựng kế hoạch phối hợp với ban đại diện cha mẹ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho trẻ và các hoạt động giáo dục của nhà trường.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch họp cha mẹ học sinh.	Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVN, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, các khoản xã hội hóa năm học; kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục- xóa mù chữ; kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt; kế hoạch thực hiện Chương trình Tôi yêu Việt Nam giai đoạn 2021-2024; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2025... [H1-1.6-02]; [H4-4.2-01]; [H1-1.1-02].

Trong năm học, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: tuyên truyền qua các buổi họp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày, qua nhóm zalo chung của lớp [1.10-10]; [H1-1.2-05].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn nhân lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, phụ huynh trong việc cải tạo môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học và các hoạt động của trẻ. Trong học kỳ I năm học 2021-2022 số ngày công lao động huy động được là 174 công; Tính đến thời điểm tháng 03/2022 tổng giá trị là: 206,567,000 đồng (hai trăm linh sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) từ vận động tài trợ từ phụ huynh, quỹ trò nghèo vùng cao, nhóm tình nguyện: “Niềm tin” hỗ trợ dự án nuôi em, đoàn Thanh niên xã, hội chữ thập đỏ xã... Nhà trường đã huy động và sử dụng đúng các chế độ chính sách cho trẻ theo quy định [H4- 4.2- 02].

Mức 2:

Trong những năm qua, nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao [H1-1.1-02]; [H1-1.2-05].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã, của trường, công đoàn trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương như: "Ngày hội bé đến trường"; "Bé vui đón tết"; "Vui tết trung thu"; Giao lưu văn nghệ ngày 20/11, 20/10, 8/3... tổ chức cho trẻ tham quan các di tích lịch sử địa phương, danh lam thắng cảnh của Điện Biên [1.10-10]; [H1-1.2-05].

Mức 3:

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên lựa chọn đặt làm địa điểm tổ chức các hội thi cấp huyện, sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn cấp cụm, thường xuyên được đón các đơn vị trường học của các huyện, các đoàn của nước bạn Lào đến tham quan và giao lưu. Nhiều năm qua nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện công nhận cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo năm học và giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về CSVC trường lớp đáp ứng với yêu cầu nuôi dưỡng CSGD trẻ. Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục. Trong 05 năm gần đây nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phối hợp huy động sự ủng hộ của các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, cá nhân, phụ huynh và các lực lượng xã hội, sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả, đóng góp công lao động trong việc cải tạo môi trường lớp học, ủng hộ, hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp với các đoàn thể ở địa phương tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả và xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường được ủy ban nhân dân tỉnh, huyện công nhận đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng	CBQL	Các kế hoạch,	Năm học	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.		tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	2021-2022 và các năm học tiếp theo.	
Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ hợp pháp, ban hành các văn bản, thư kêu gọi cá nhân, tổ chức hảo tâm hỗ trợ kinh phí, vật chất cho trẻ.	CBQL, giáo viên.	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Phối kết hợp hài hòa các hình thức tổ chức giữa các đoàn thể địa phương với các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp giao lưu, tổ chức các hội thi gắn với nhiệm vụ năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.	CBQL, giáo viên, Ban đại diện cha mẹ trẻ	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với các ban ngành đoàn thể	Trong năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo.	Không
Kết nối với nhóm tình nguyện "Niềm tin" xin hỗ trợ dự án Nuôi em cho 47 trẻ. Nhà trường kết nối với quỹ trò nghèo vùng cao hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 190 trẻ của nhà trường.	CBQL, giáo viên, Nhóm tình nguyện: "Niềm tin", Quỹ trò nghèo vùng cao.	Hình ảnh của trẻ được hỗ trợ trên cổng thông tin của trường và nhóm tình nguyện. Tờ trình và biên bản thỏa thuận.	Trong năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng quy định Điều lệ

Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn xã. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp các nguồn lực để tu sửa CSVC, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt chất lượng giáo dục mức độ 3. Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời thực hiện phát triển chương trình giáo dục đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 96,1%. Hằng năm 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá và đạt các mục tiêu hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, căn cứ tình hình thực tế của nhóm, lớp, nhà trường đã thành lập hội đồng xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường. Trên cơ sở đó các giáo viên các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp mình phụ trách và tổ chức thực hiện kế hoạch chương trình GDMN theo quy định [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen với tiếng Anh và sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, lồng ghép "Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.5-02].

Trong quá trình thực hiện nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo định kỳ đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và giáo viên các nhóm, lớp điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường [H1-1.4-05]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2

Nhà trường tổ chức thực hiện đã xây dựng và phát triển chương trình GDMN do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ. 10/10 nhóm, lớp tổ chức thực hiện chương trình giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày đảm bảo

chất lượng, hiệu quả [H1-1.5-02].

Nhà trường thực hiện phát triển chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, khả năng và nhu cầu của trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ. Triển khai thí điểm tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen với tiếng Anh và sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, lồng ghép "Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và nhiều chuyên đề khác [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Mức 3

Nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi phù hợp với văn hóa dân tộc. Nhà trường đã tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới như stem, montessori... Tuy nhiên trong quá trình áp dụng chưa có điều kiện học hỏi thực tế, mà mới đang tìm hiểu, học tập qua mạng internet [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.5-02]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, chỉ đạo xây dựng kế hoạch chương trình GDMN phù hợp với địa phương, với tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh, làm quen với phần mềm kidsmart phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Hàng năm nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Tuy nhiên trong quá trình áp dụng chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới nhà trường chưa có điều kiện học hỏi thực tế, mà mới đang tìm hiểu, học tập qua mạng internet.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ khối, giáo viên các nhóm lớp nghiêm túc thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch, chỉ đạo, chương trình GDMN	Trong năm học 2021-2022 và các năm	Không

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
hành			tiếp theo	
Tiếp tục tăng cường kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phát triển Chương trình giáo dục mầm non, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Chương trình GDMN; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác tham khảo, học tập chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới vào tổ chức các hoạt động giáo dục tại nhà trường đạt hiệu quả	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên	Bồi dưỡng chuyên môn, học tập, nghiên cứu các nước trong khu vực	Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Giáo viên đã linh hoạt sử dụng các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm, lớp và điều kiện thực tế của nhà trường, kết quả chăm sóc, giáo dục của các nhóm lớp luôn đảm bảo được mục tiêu đề ra [H1-1.5-02]; [H5-5.1-01]; [H1-1.2-05].

Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường bố trí các khu vực chơi cho trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Vườn cổ tích, vườn cây của bé, khu trải nghiệm, Âm thực quê em, khu chợ quê, khu phát triển vận động... [1.10-10].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động [1.10-10].

Mức 2:

Nhà trường đã chỉ đạo 10/10 nhóm, lớp chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp, địa phương như: Vườn cổ tích, vườn cây của bé, khu trải nghiệm, Âm thực quê em, khu chợ quê, khu phát triển vận động [H1-1.5-02]; [1.10-10]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường đã tích cực xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cho trẻ hoạt động đảm bảo. Thường xuyên bổ sung các nguyên vật liệu, học liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi" [1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm/lớp và điều kiện thực tế của địa phương. Tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo sự đa dạng phong phú ở các khu vực chơi cho trẻ, tận dụng, sử dụng các nguyên vật liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ từng độ tuổi.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo Cán bộ quản lý, giáo viên phối hợp với cha mẹ học sinh tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	Ban giám hiệu, giáo viên, cha mẹ học sinh	Kế hoạch phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Huy động hội cha mẹ học sinh, ngân sách nhà nước
Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên để nâng cao việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Yên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt, kiểm tra sức khỏe phòng chống dịch bệnh Covid-19 [1.10-10]; [5.3-01].

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ đến nhóm, lớp được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả tính đến thời điểm đánh giá với cân nặng kênh bình thường 279/283 đạt 98,59% số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 4/283 chiếm 1,41%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 9/283 đạt 3,18%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng 1/283 trẻ chiếm 0,35%, Trẻ béo phì 2/283 trẻ chiếm 0,7%, trẻ thừa cân 2/283 trẻ chiếm 0,7% [5.3-01]; [H5-5.3-02].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã kiểm tra sức khỏe, cân, đo trẻ và xây dựng kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì nhằm đưa ra những biện pháp can thiệp phù hợp như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp, tiến hành cân, đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Tính đến thời điểm tháng 4/2022 số trẻ được cải thiện phục hồi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 4/8 trẻ (giảm từ 2,9% xuống còn 1,41%), số trẻ thấp còi được phục hồi 7/16 trẻ (giảm từ 5,8% xuống còn 3,5%) [5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ; tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, thực hiện nghiêm túc thông điệp 5K thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các kênh thông tin điện tử chung như zalo, trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày qua giờ đón trả trẻ [H1-1.2-05]; [1.10-10].

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, thực đơn hàng ngày theo tuần, mùa; số bữa ăn theo quy định; nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [1.10-10]; [H5-5.3-02]; [H1-1.1-08].

Trong năm 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết suất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ

được cải thiện cụ thể: Đầu năm học 2021-2022, số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 8/278 chiếm 2,78 %, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 16/278 chiếm 5,8%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng 1/278 trẻ chiếm 0,36%, trẻ béo phì 2/278 trẻ chiếm 0,71%; tính đến thời điểm tháng 4/2022 số trẻ được phục hồi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 4/8 trẻ (giảm từ 2,9% xuống còn 1,41%), số trẻ thấp còi được phục hồi 9/16 trẻ (giảm từ 5,8% xuống còn 3,18%) [5.3-01]; [H5-5.3-03].

Mức 3

Trong năm học kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ, trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 95% trở lên. Năm học 2021-2022 tính đến thời điểm đánh giá: Cân nặng bình thường đạt 98,59%; SDD thể nhẹ cân chiếm 1,41%, chiều cao bình thường đạt 96,47%, SDD thể thấp còi chiếm dưới 4% [5.3-01]; [H1.1.2-05].

2. Điểm mạnh

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Yên, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, cách phòng chống dịch bệnh Covid-19, thực hiện nghiêm túc thông điệp 5K của bộ y tế, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 96% trở lên. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng.

3. Điểm yếu: Nhà trường vẫn còn trẻ bị suy dinh dưỡng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe định kỳ và phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Yên	Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, bộ phận nhà bếp.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ chức tốt ăn bán trú cho trẻ, cải	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế,	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2021-2022 và các	Không

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng.	cha mẹ trẻ.		năm tiếp theo	
Tiếp tục tuyên truyền phòng chống dịch bệnh covid19,	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Yên	Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học nhà trường đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần hằng năm của nhà trường đạt từ 95,3% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 94,3% trở lên, Mẫu giáo đạt 95,5% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 96,1% trở lên [H1-1.2-05]; [H5-5.1-02].

Hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 86 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp quan tâm đến trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung CSGD phù hợp với nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ, không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2

Trong năm học 2021-2022 nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học, hằng năm tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt từ 95,3% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 94,3% trở lên, Mẫu giáo đạt 95,5% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 96,1% trở lên. Một số lớp tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần chưa cao do dịch bệnh covid-19 và những ngày thời tiết thay đổi [H1-1.2-05].

Qua các năm trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 86 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp quan tâm đến trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung CSGD phù hợp với nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ, không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

Hằng năm học số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học 2021-2022 không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 96% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% trở lên trẻ nhà trẻ đạt từ 90% trở lên. Nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Vào các thời điểm diễn ra dịch bệnh Covid-19 và thời tiết thay đổi theo mùa tỷ lệ trẻ chuyên cần còn chưa cao ở một số lớp (mẫu giáo Lớn A, mẫu giáo lớn C).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần (Đặc biệt đối với trẻ dưới 5 tuổi), duy trì tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Quyết định giao biên chế số lớp.	Trong năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo	Không
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid 19.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường phát triển chương trình GDMN theo kế hoạch và phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

Nhà trường đã xây dựng, phát triển và triển khai thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch, tổ chức thực hiện cho trẻ làm quen với ngoại ngữ tiếng Anh phù hợp với quy định về chuyên môn và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Chú trọng tôn tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp an toàn, lành mạnh, thân thiện theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo sự đa dạng các khu vực, môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, thực hành trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao mang tính địa phương. Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ, do đó kết quả nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường, về cân nặng, chiều cao hằng năm trên 96%, giảm tỷ lệ số trẻ thừa cân, béo phì. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần mức cao. Tuy nhiên vào các thời điểm diễn ra dịch bệnh Covid-19 và thời tiết thay đổi theo mùa tỷ lệ trẻ chuyên cần còn chưa cao ở một số lớp. Hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non. Trong năm học 2021-2022 không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Phần II. KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2017-2018 đến nay, trường mầm non số 2 xã Thanh Yên đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc; Được UBND tỉnh khen Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc "Đã có thành tích trong phong trào thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018"; Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng khen có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong năm học 2018 - 2019 góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh Điện Biên. UBND Tỉnh Điện Biên Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2018-2019; Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên tặng Giấy khen đã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020; UBND Tỉnh Điện Biên Danh hiệu Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và được công nhận danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa 5 năm (2015-2020); Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang, hiện đại, rộng rãi, môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện, có nhiều khu vực sáng tạo cho trẻ hoạt động thực hành trải nghiệm, nhiều năm liền nhà trường được chọn làm địa điểm tổ chức các hội thi, các buổi sinh hoạt chuyên đề cấp huyện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ đạt chuẩn trở lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện tốt phát triển chương trình GDMN cho trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã được đổi mới linh hoạt phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo ngành, của Đảng uỷ, chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu

chuẩn tự đánh giá trường Mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá trường mầm non số 2 xã Thanh Yên đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số tiêu chí: 25 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 25
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0
- Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí đạt mức 3: 19/19 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí không đạt mức 3: 0

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên huyện Điện Biên đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

Trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Thanh Yên, ngày 18 tháng 02 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Phương Lan